

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 54/2025/DS-PT
Ngày: 29 – 4 – 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Kiều

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng

Ông Lê Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Kép – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trương Trung Tín - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2025/TLPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 116/2024/DS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 38/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Châu Minh T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp V, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hồng P, sinh năm 1995; Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Địa chỉ liên hệ: Số A, đường N, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bị đơn: 1. Ông Châu Mộng M, sinh năm 1984 (có mặt)

2. Bà Trần Thị Mỹ R, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- Người kháng cáo: Ông Châu Mộng M là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2024 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Khoảng đầu năm 2023 ông Châu Mộng M và bà Trần Thị Mỹ R có nhờ ông đứng ra vay tiền, tính đến ngày 23/4/2024 âm lịch các bên có viết giấy tay “TỜ XÁC NHẬN” đề ngày 23/4/2024 âm lịch có thể hiện nội dung tính đến ngày 23/4/2024 ông M và bà R còn nợ ông T số tiền 120.000.000 đồng. Nay ông T yêu cầu ông M và bà R trả lại số tiền 120.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 23/4/2024 âm lịch cho đến nay theo quy định của pháp luật.

Tại đơn khởi kiện ngày 15/10/2024 ông T yêu cầu ông M và bà R trả số tiền 814.880.000 đồng. Nay ông T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 694.880.000 đồng. Chỉ yêu cầu ông M và bà R trả lại số tiền 120.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 23/4/2024 âm lịch cho đến ngày xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Châu Mộng M và bà Trần Thị Mỹ R trình bày:

Khoảng đầu năm 2023 vợ chồng ông bà có nhờ ông Châu Minh T đứng ra vay mỗi lần 20.000.000 đồng, tổng cộng 03 lần là 60.000.000 đồng để mua bán. Do hoàn cảnh khó khăn, làm ăn thua lỗ nên cuối năm 2023 ông M có cầm cho ông Nguyễn Văn T1 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Châu Mộng M. Đến khoảng tháng 02/2024 ông M có nhờ ông T lấy tiền để chuộc lại giấy từ ông T1 và chuyển tên cho ông T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp vay vốn Ngân hàng. Trong thời gian đợi thủ tục vay vốn giải ngân tại Ngân hàng khoảng hơn 02 tháng, do kinh tế khó khăn nên ông M có nhờ ông T đóng lãi giữm. Đến ngày 23/4/2024 âm lịch các bên có viết giấy tay “TỜ XÁC NHẬN” đề ngày 23/4/2024 âm lịch có thể hiện nội dung tính đến ngày 23/4/2024 ông M và bà R còn nợ ông T số tiền 120.000.000 đồng. Nhưng thực tế tiền vốn là 60.000.000 đồng và tiền lãi 60.000.000 đồng. Ông M và bà R xác định chữ ký và chữ viết phía dưới giấy tay “TỜ XÁC NHẬN” đề ngày 23/4/2024 là đúng của ông bà ký tên và viết họ tên. Nay do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên ông M và bà R yêu cầu được trả cho ông T số tiền 100.000.000 đồng cả tiền vốn và tiền lãi tính đến thời điểm hiện tại.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 116/2024/DS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu đã tuyên xử:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Châu Minh T đối với số tiền 694.880.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Châu Minh T đối với ông Châu Mộng M và bà Trần Thị Mỹ R. Buộc ông Châu Mộng M và bà Trần Thị Mỹ R có nghĩa vụ trả cho ông Châu Minh T số tiền 126.972.000 đồng (trong đó tiền vốn 120.000.000 đồng và tiền lãi 6.972.000 đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí; quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 24 tháng 12 năm 2024, ông Châu Mộng M có đơn kháng cáo bản án. Theo đó, ông M kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số: 116/2024/DS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu; nội dung kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chỉ chấp nhận số tiền vay gốc 60.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật, có trừ vào số tiền lãi ông M đã trả cho ông T là 36.600.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông M giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Châu Mộng M, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 116/2024/DS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Châu Mộng M trong thời hạn luật định, nên được chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Bị đơn bà Trần Thị Mỹ R đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do, cho nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông C Mộng M yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án theo hướng chỉ chấp nhận số tiền vay gốc 60.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật, có trừ vào số tiền lãi ông M đã trả cho ông T là 36.600.000 đồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ông T xác định khoảng đầu năm 2023, ông M và bà R có nhờ ông đứng ra vay tiền và tính đến ngày 23/4/2024 âm lịch (quy đổi ngày dương lịch là 30/5/2024) ông M và bà R còn nợ ông T số tiền 120.000.000 đồng nên ông T yêu cầu ông M và bà R trả lại số tiền 120.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 23/4/2024 âm lịch cho đến ngày xét xử theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định:
“*Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu*

thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp...”,

Ông T là nguyên đơn trong vụ án, ông phải có nghĩa vụ chứng minh ông M và bà R có xác lập giao dịch vay tài sản và nợ tiền ông. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, ông T có cung cấp cho Tòa án giấy tay “TỜ XÁC NHẬN” đề ngày 23/4/2024.

Xét thấy, ông M và bà R thừa nhận có giao dịch vay tiền với ông T và đến ngày 23/4/2024 âm lịch các bên có viết biên nhận giấy tay tiêu đề là “TỜ XÁC NHẬN” đề ngày 23/4/2024 âm lịch có thể hiện nội dung tính đến ngày 23/4/2024 ông M và bà R còn nợ ông T số tiền 120.000.000 đồng, chữ ký và chữ viết phía dưới biên nhận là đúng của ông M và bà R ký tên và viết họ tên. Cho nên đây là những tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông M và bà R cho rằng thực tế tiền vốn vay chỉ là 60.000.000 đồng và tiền lãi 60.000.000 đồng nhưng ông bà không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình, nội dung biên nhận cũng không thể hiện trong số tiền nợ vay 120.000.000 đồng có 60.000.000 đồng là nợ vay gốc và có 60.000.000 đồng là tiền lãi. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông M và bà R có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền nợ vay gốc 120.000.000 đồng là có cơ sở.

[4] Xét yêu cầu tính lãi suất của ông Châu Minh T từ tháng 5/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm tháng 12/2024, Hội đồng xét xử xét thấy, tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”.

Có căn cứ xác định ông M và bà R có nợ tiền vay của ông T nên yêu cầu tính lãi suất của ông T là có căn cứ chấp nhận. Mức lãi suất 0.83%/01 tháng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, thời gian chậm trả từ tháng 5/2024 đến tháng 12/2024 là 7 tháng (số tiền 120.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 7 tháng = 6.972.000 đồng). Ông M kháng cáo cho rằng có trả lãi cho ông T số tiền 36.600.000 đồng qua hình thức chuyển khoản 06 lần với số tiền 30.600.000 đồng và trả tiền mặt 6.000.000 đồng và yêu cầu trừ vào số tiền lãi ông M đã trả cho ông T là 36.600.000 đồng. Tại cấp phúc thẩm, ông M có cung cấp sao kê chuyển khoản của Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Đ và biên nhận ngày 10/10/2024 để chứng minh cho việc ông trả lãi cho ông T số tiền 36.600.000 đồng như ông trình bày; xét sao kê chuyển khoản thấy rằng các giao dịch chuyển khoản được thực hiện nhiều lần trong năm 2023 và năm 2024, có lần trước ngày viết tờ xác nhận và có lần sau ngày viết tờ xác nhận, chỉ thể hiện nội dung Châu Mộng M1 chuyển tiền, Trần Thị Mỹ R chuyển tiền và

có khoản thẻ hện chuyển tiền mua xe mà không thể hiện cụ thể là chuyển tiền đóng lãi vay cho ông T số tiền vay 60.000.000 đồng; xét biên nhận ngày 10/10/2024 thể hiện nội dung ông T có nhận 6.000.000 đồng đóng lãi cho Nhà nước cho khoản vay 600.000.000 đồng của ba cái bằng khoán, không có nội dung thể hiện đóng lãi cho khoản vay 60.000.000 đồng như ôn Mơ trình bày. Do đó chứng cứ do ông M cung cấp không có cơ sở chứng minh ông M, bà R có trả lãi cho ông T số tiền 36.600.000 đồng cho khoản nợ vay 60.000.000 đồng, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận đối trừ số tiền 36.600.000 đồng theo kháng cáo của ông M.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông M và bà R cũng không cung cấp thêm chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông M.

[4] Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Châu Mộng M; Có căn cứ chấp nhận ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 116/2024/DS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm, ông Châu Mộng M phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Châu Mộng M. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 116/2024/DS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Châu Minh T đối với số tiền 694.880.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Châu Minh T đối với ông Châu Mộng M và bà Trần Thị Mỹ R.

Buộc ông Châu Mộng M và bà Trần Thị Mỹ R có nghĩa vụ trả cho ông Châu Minh T số tiền 126.972.000 đồng (trong đó tiền vốn 120.000.000 đồng và tiền lãi 6.972.000 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Châu Mộng M và bà Trần Thị Mỹ R phải nộp số tiền 6.348.600 đồng. Ông Châu Minh T không phải chịu án phí. Ông T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010719 ngày 17/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu được hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã nộp.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Châu Mộng M phải nộp 300.000 đồng. Ông M đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010902 ngày 31/12/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Đông Hải;
- CCTHADS huyện Đông Hải;
- Dương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lệ Kiều